

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHIÊM HÓA
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25/5/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HÓA, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Triệu Thị Yên;

2. Ông Lý Văn Tòng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Hanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 201/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị T, sinh năm 1991.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đồng V, xã Yên N, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi ở hiện nay: Thôn An T, xã Thái S, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bàn Văn C, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn Đồng V, xã Yên N, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt lần hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:

Chị và anh Bàn Văn C được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Yên Ng, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn Đồng V, xã Yên N, huyện Chiêm H, tình cảm vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C nghi ngờ chị sống không chung thủy có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nên vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xô xát. Đến tháng 8/2021 mâu thuẫn trở nên rất căng thẳng anh C đánh chị nhiều lần, do không chịu đựng được nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn An T, xã Thái S, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang ở cho đến nay, không còn quan hệ về kinh tế và tình cảm với nhau nữa. Khi mâu thuẫn xảy ra đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục được. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bàn Văn C.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Bàn Thị N, sinh ngày 30/10/2012 và Bàn Thị Đ, sinh ngày 16/10/2017. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, anh Bàn Văn C trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 16/10/2009 tại UBND xã Yên N, huyện Chiêm H. Sau khi kết hôn anh và chị T chung sống tại thôn Đồng V, xã Yên N, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Đến năm 2020 do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng anh thống nhất để chị T đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Giang, thời gian đầu vợ chồng vẫn bình thường, đến khoảng giữa năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghi ngờ chị T có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, nên không quan tâm đến gia đình chồng, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh và hai bên gia đình đã khuyên bảo nhưng chị T vẫn không thay đổi, mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng đến cuối tháng 8/2021 chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và làm việc tại thôn An T, xã Thái S, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang. Sau đó anh đã nhiều lần khuyên bảo chị T quay về tiếp tục chung sống cùng nhau nhưng chị T kiên quyết không về. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, nên chị T xin ly hôn anh không nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Bàn Thị N, sinh ngày 30/10/2012 và Bàn Thị Đ, sinh ngày 16/10/2017. Nếu ly hôn anh nhất trí để chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 hai con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Xác minh tại địa phương được biết: Chị Lý Thị T và anh Bàn Văn C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đồng V, xã Yên N, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang, chị T và anh C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và cùng nhau chung sống tại thôn Đồng Vàng,

xã Yên Nguyên. Cuộc sống vợ chồng bình thường, đến năm 2021 chị T đi làm công nhân xa nhà thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng nghi ngờ nhau có quan hệ bất chính, nên xảy ra cãi vã, đến khoảng tháng 8/2021 chị T đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở tại xã Thái S, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang sinh sống, gia đình anh C đã nói chuyện, khuyên bảo nhưng chị T cương quyết không về chung sống cùng anh C. Đến cuối năm 2021 anh C đi làm công nhân ở tỉnh Bắc Ninh thì thoảng về thăm gia đình. Chị T và anh C có 02 con chung là Bàn Thị N, sinh ngày 30/10/2012 và Bàn Thị Đ, sinh ngày 16/10/2017, hiện con chung đang ở với chị T.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T, cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Bàn Văn C.

- Về con chung: Giao con chung là Bàn Thị N, sinh ngày 30/10/2012 và Bàn Thị Đ, sinh ngày 16/10/2017 cho chị Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bàn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lý Thị T và anh Bàn Văn C đều xác định không có, nên không đề nghị xem xét giải quyết.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lý Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Lý Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Bàn Văn C có hộ khẩu thường trú tại thôn Đông V, xã Yên N, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Chị Lý Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bàn Văn C đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do nên áp dụng các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T và anh Bàn Văn C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Yên N, huyện Chiêm H, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không tin tưởng, nghi ngờ, ghen tuông nhau nên thường xuyên cãi vã và đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị T và anh C không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, thực tế chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xã Thái S, huyện Hàm Y, tỉnh Tuyên Quang sinh sống từ tháng 8/2021 cương quyết không quay về chung sống cùng anh C, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Như vậy, tình cảm vợ chồng chị T không còn, tình trạng hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh C.

- Về con chung: Chị Lý Thị T và anh Bàn Văn C có 02 con chung là Bàn Thị N, sinh ngày 30/10/2012 và Bàn Thị Đ, sinh ngày 16/10/2017. Chị T đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh Bàn Văn C có ý kiến nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy hiện nay cả hai con chung đang sống cùng chị T, chị T đủ điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, nên Hội đồng xét xử xét giao cháu N và cháu Đ cho chị T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị T không yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Lý Thị T và anh Bàn Văn C đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào : Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Lý Thị T được ly hôn với anh Bàn Văn C.

- Về con chung: Xử giao 02 con chung là Bàn Thị N, sinh ngày 30/10/2012 và Bàn Thị Đ, sinh ngày 16/10/2017 cho chị Lý Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bàn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí: Chị Lý Thị T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2021/0003529 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Chị T đã nộp đủ án phí. Anh Bàn Văn C không phải nộp án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị T và anh Bàn Văn C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Yên Nguyên
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Chiêm Hóa (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Văn Tòng

Triệu Thị Yên

Đào Thị Bích Ngọc